TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 124/2018/HNGĐ-ST Ngày: 19/10/2018 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Gấm.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.
2. Ông Đặng Hữu Đức.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Yến Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 419/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/10/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Kim Ng, sinh năm 1981.

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông Trần Quốc D, sinh năm 1976.

Hộ khẩu thường trú: Ấp X, xã Y, huyện K, tỉnh Bến Tre. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Z.

Bà Ng có mặt, ông D có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/9/2018, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Kim Ng trình bày:

Bà và ông Trần Quốc D tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau và đã ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tại bà nhận thấy không còn tình cảm với ông D nên yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Giữa bà và ông D có một con chung tên là Trần Quốc M, sinh ngày 05/7/2007, hiện đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu M, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng khai không có.

Theo biên bản về việc ghi nhận ý kiến của đương sự đề ngày 01/10/2018, bị đơn ông Trần Quốc D trình bày:

Ông và bà Phạm Kim Ng chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006. Ông bà chung sống hạnh phúc được 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn do nợ nần, ông phải bán nhà nên vợ ông về quê ở Đồng Tháp sinh sống và đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay bà Ng xin ly hôn thì ông đồng ý.

Về con chung: Giữa ông và bà Ng có một con chung tên là Trần Quốc M, sinh ngày 05/7/2007, hiện đang do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ông đồng ý giao cháu M cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Giữa ông và bà Ng không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Trần Quốc D là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Y, huyện K và hiện đang chấp hành án tại X (xã L, huyện K) nên căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Ông D có yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vụ kiện vắng mặt anh. Do đó, theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy bà Phạm Kim Ng và ông Trần Quốc D kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường 2, quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2006. Hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà Ng và ông D đều cho rằng thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, gia đình không có hạnh phúc nên bà xin được ly hôn. Xét thấy, tại Điều 2 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau...". Nhưng giữa bà Ng và ông D lại xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, không cùng nhau quan tâm, chăm lo xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Ng và ông D đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ng.

[3] Về con chung: Giữa bà Ng và ông D có 01 con chung là Trần Quốc M, sinh ngày 05/7/2007, hiện đang do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Ng yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Ông D cũng đồng ý giao con chung cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng. Ngoài ra, sau khi được hỏi ý kiến thì cháu Minh cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà Ng. Xét thấy yêu cầu của bà Ng là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng và ông D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Kim Ng. Bà Phạm Kim Ng được ly hôn với ông Trần Quốc D.

Về con chung: Giao cháu Trần Quốc M, sinh ngày 05/7/2007 cho bà Ng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận bà Ng không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông D được quyền thăm nom con không ai được cản trở ông thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng và ông D khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Ng phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0019864 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Bà Ng đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- CCTHADS huyện Giồng Trôm;
- UBND Phường 2, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Thị Gẩm